**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

**BỘ MÔN:** ĐỊA LÍ

**KHỐI:** 10

**TUẦN:** 01/HKI (Từ ngày 06/9 đến 11/9/2021)

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**BÀI 4: THỰC HÀNH – XÁC ĐỊNH MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÍ TRÊN BẢN ĐỒ**

**I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**1. Nội dung thực hành**

Xác định một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên các hình 2.2 (Bản đồ công nghiệp điện Việt Nam), hình 2.3 (Bản đồ gió và bão Việt Nam) và hình 2.4 (Bản đồ phân bố dân cư châu Á).

**2. Các bước tiến hành**

*\* Đọc bản đồ theo trình tự sau:*

- Tên bản đồ

- Nội dung bản đồ

- Các phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lý trên bản đồ

- Trình bày cụ thể về từng phương pháp như:

+ Tên phương pháp biểu hiện

+ Phương pháp đó biểu hiện những đối tượng địa lí nào.

+ Thông qua cách biểu hiện các đối tượng địa lí của phương pháp này, chúng ta có thể biết được những đặc tính nào của đối tượng địa lý đó.

*\* Hoàn thành nội dung bảng sau:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình 2.2** | **Hình 2.3** | **Hình 2.4** |
| Tên bản đồ |  |  |  |
| Nội dung bản đồ |  |  |  |
| *Các phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ* |
| Tên phương pháp biểu hiện |  |  |  |
| Đối tượng biểu hiện |  |  |  |
| Khả năng biểu hiện |  |  |  |

**3. Hướng dẫn thực hành**

***3.1. Hình 2.2***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình 2.2** |
| Tên bản đồ | Công nghiệp điện Việt Nam |
| Nội dung bản đồ | Các nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp |
| *Các phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ* |
| Tên phương pháp biểu hiện | Phương pháp kí hiệu |
| Đối tượng biểu hiện | Các nhà máy điện (nhiệt điện, thủy điện, nhà máy thủy điện đang xây dựng) và trạm biến áp (220KV, 500KV) |
| Khả năng biểu hiện | Vị trí, quy mô, số lượng, chất lượng, động lực phát triển |

***3.2. Hình 2.3***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình 2.3** |
| Tên bản đồ | Gió và bão Việt Nam |
| Nội dung bản đồ | Hoạt động của gió và bão ở Việt Nam |
| *Các phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ* |
| Tên phương pháp biểu hiện | Phương pháp kí hiệu đường chuyển động |
| Đối tượng biểu hiện | Các loại gió (gió mùa mùa đông, mùa hạ, gió Tây khô nóng) và bão  |
| Khả năng biểu hiện | Hướng di chuyển (gió mùa mùa đông – Đông Bắc, gió mùa mùa hạ - Tây Nam và Đông Nam, gió Tây khô nóng – Tây Nam và hướng di chuyển của bão), tốc độ và tần suất (từ 0,3 – 1, trên 1 – 1,3 và trên 1,3 – 1,7 cơn bão/tháng) |

***3.3. Hình 2.4***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình 2.4** |
| Tên bản đồ | Phân bố dân cư châu Á |
| Nội dung bản đồ | Sự phân bố dân cư và quy mô các đô thị ở châu Á |
| *Các phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ* |
| Tên phương pháp biểu hiện | *Phương pháp chấm điểm* | *Phương pháp kí hiệu* |
| Đối tượng biểu hiện | Sự phân bố dân cư  | Các điểm dân cư đô thị |
| Khả năng biểu hiện | Sự phân bố, số lượng (mỗi điểm chấm tương ứng với 500000 người) | Vị trí, số lượng, quy mô các đô thị (đô thị trên 8 triệu dân, đô thị từ 5 đến 8 triệu dân) |

**II. NỘI DUNG CHUẨN BỊ**

Học sinh xem trước nội dung bài số 5: Vũ trụ, Hệ Mặt Trời và Trái Đất, Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất trang 18 – 21/SGK.